

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2025

V/v “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Cửa

Ông Nguyễn Văn Lợi

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Cao Thị S, sinh ngày 21/7/1984; căn cước công dân số: 044184002143; địa chỉ: thôn T, xã M, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Đinh Hữu N, sinh ngày 24/8/1982; căn cước công dân số: 044082000264 địa chỉ: thôn T, xã M, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Hữu N tự nguyện tìm hiểu nên tiến tới hôn nhân vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình (nay là xã M, tỉnh Quảng Trị). Khi mới kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên chửi chị S vô lý do và cãi nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình. Từ đó, vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2019. Do đó, chị S yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Thiên K, sinh ngày 26/5/2011 và Đinh Di N1, sinh ngày 02/7/2006.

Khi ly hôn, chị S yêu cầu được nuôi cháu Đinh Thiên K, sinh ngày 26/5/2011. Đối với cháu Di N1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Đinh Hữu N vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn xin giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị S yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.800.000 đ.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Cao Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn với anh Đinh Hữu N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tài liệu do chị S cung cấp được biết anh N có nơi cư trú tại thôn T, xã M, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Trị thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Cao Thị S và anh Đinh Hữu N tự nguyện tiến tới hôn nhân, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Chị S cho rằng vợ chồng do phát sinh mâu thuẫn trong thời gian sống chung nên đã sống ly thân từ năm 2019, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình. Từ khi sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Có thể thấy rằng, mục đích hôn nhân giữa chị S và anh N đã không đạt được, vợ chồng không có tình cảm và trách nhiệm chăm sóc nhau. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đến để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm nhưng anh N không đến và cũng không có văn bản gửi cho

Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị S. Điều đó cho thấy, việc chị S nộp đơn khởi kiện ly hôn, anh N cũng không quan tâm, không có thiện chí hòa giải nhằm níu kéo, hàn gắn tình cảm. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị S và anh N là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Thiên K, sinh ngày 26/5/2011 và Đinh Di N1, sinh ngày 02/7/2006.

Chị S cho rằng, cháu Đinh Thiên K đang sống cùng chị, đồng thời cháu có nguyện vọng sống với chị thể hiện bằng văn bản viết tay; về cấp dưỡng nuôi con, chị S yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000 đ

Xét thấy, con chung Đinh Thiên K hiện nay đang sống với chị S, cháu đã trên 07 tuổi và có đơn nguyện vọng thể hiện cháu mong muốn sống với chị S. Hội đồng xét xử nhận thấy, cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập. Cha mẹ tạo điều kiện cho con được sống trong môi trường gia đình đầm ấm, hòa thuận; làm gương tốt cho con về mọi mặt; phối hợp chặt chẽ với nhà trường, cơ quan, tổ chức trong việc giáo dục con. Xét nguyện vọng của con mong muốn sống với chị S. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, hạn chế sự xáo trộn cuộc sống của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Thiên K cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Xét thấy, chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, mức cấp dưỡng 1.800.000 đồng mà chị S đưa ra là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị S.

[2.3] Đối với quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Đinh Hữu N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Các điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị S:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị S và anh Đinh Hữu N.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Đinh Thiên K, sinh ngày 26/5/2011 cho chị Cao Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Đinh Di N1, sinh ngày 02/7/2006 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đinh Hữu N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đinh Thiên K mỗi tháng 1.800.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về quan hệ tài sản chung và tài sản chung: Không có nên không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Cao Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm

ngàn) đồng đã nộp theo biên lai số 0000081 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Anh Đinh Hữu N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 2 – Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- UBND xã Minh Hóa, tỉnh Quảng Trị;
- VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh